

Số: 343 /BC- LHH

Bắc Giang, ngày 19 tháng 12 năm 2010

## BÁO CÁO

kết quả phân biện dự thảo Chương trình đẩy mạnh thu hút đầu tư,  
phát triển công nghiệp, dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015

Căn cứ công văn số 2831/UBND –VX ngày 15/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao nhiệm vụ tư vấn, phân biện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội, ngày 19/12/2010 Hội đồng phân biện của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh đã tiến hành phân biện, kết quả như sau:

### 1. Sự cần thiết ban hành Chương trình:

Bắc Giang là tỉnh có lợi thế so sánh về điều kiện địa kinh tế, cách Hà Nội 50 km, cửa khẩu biên giới Lạng Sơn khoảng 100km, gần cảng hàng không, đường thủy; có hệ thống giao thông thủy bộ thuận lợi...điều kiện xã hội có nhiều thuận lợi: nguồn nhân lực có trình độ, đất đai phục vụ phát triển công, nông nghiệp tương đối thuận lợi...tuy nhiên trong những năm qua việc thu hút đầu tư của tỉnh so với các tỉnh cùng điều kiện kinh tế xã hội còn khiêm tốn cả về số lượng và quy mô, chưa thực sự là nhân tố quyết định sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế đến năm 2015 là 12-13%, thu nhập bình quân đầu người khoảng 1.300USD/người thì việc đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ là hết sức cần thiết. Hội đồng phân biện nhất trí cao việc ban hành Chương trình.

### 2. Về nội dung dự thảo Chương trình

2.1. *Kết quả thu hút đầu tư:* Hội đồng phân biện đánh giá cao sự chuẩn bị dự thảo Chương trình của cơ quan chức năng. Trong Chương trình đã đặt ra mục tiêu giai đoạn 2011 – 2015, có đánh giá giải đoạn 2006 – 2010, đưa ra nhiệm vụ, giải pháp. Tuy nhiên Chương trình chưa rõ về nội hàm, bởi lẽ thu hút đầu tư của doanh nghiệp trong nước, FDI thì đương nhiên là phát triển công nghiệp và dịch vụ (một số ít đầu tư vào nông nghiệp như đề điều, chống sạt lở...). Vậy vấn đề ở đây là giải quyết hiệu quả đầu tư và phát triển công nghiệp, dịch vụ thế nào cho bền vững, còn nhiệm vụ thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp, dịch vụ là đương nhiên của cấp uỷ, chính quyền.

Một số nội dung trong Chương trình chưa sâu, chưa cụ thể, còn chung chung, như:

Đánh giá giai đoạn 2006 – 2010 chỉ so sánh giai đoạn trước đó (2001 – 2005, giai đoạn thời kỳ đầu nên rõ ràng là chúng ta đạt hơn). Ở đây nên so sánh số dự án



đăng ký, số dự án thực hiện đạt bao nhiêu phần trăm; so sánh cùng giai đoạn với mức bình quân cả nước, với các tỉnh lân cận có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

Trong dự thảo cần làm rõ tỷ lệ đầu tư với kết quả đạt được đồng vốn giá trị công nghiệp, dịch vụ (đầu tư bao nhiêu đồng thì tạo ra được một đồng giá trị công nghiệp, dịch vụ. Có như vậy làm cơ sở hoạch định chính sách thu hút đầu tư). Bên cạnh đó dự thảo Chương trình cần xác định được mối quan hệ giữa phát triển công nghiệp và dịch vụ - công nghiệp phát triển thì dịch vụ cũng phát triển theo, nhưng cần xác định tỷ lệ là bao nhiêu để từ đó đặt ra tốc độ tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ cho hợp lý.

*2.2. Về hạn chế, tồn tại:* Hội đồng phản biện cho rằng nội dung đánh giá phân hạn chế, tồn tại chưa đầy đủ, chủ yếu tập trung vào hạn chế về giải phóng mặt bằng, công tác xúc tiến đầu tư, triển khai các dự án và chất lượng nguồn nhân lực, chưa đánh giá đúng hạn chế của việc ban hành cơ chế thu hút đầu tư, vai trò của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn trong việc thu hút đầu tư – đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng, nếu không nói là quyết định đến việc thu hút đầu tư.

*2.3. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại:* Hội đồng phản biện nhất trí với dự thảo đưa ra nguyên nhân của hạn chế. Tuy nhiên trong nguyên nhân khách quan chúng ta cho rằng một phần do cơ chế, chính sách đầu tư, Hội đồng phản biện cho rằng chưa thực sự khách quan vì cùng một cơ chế do nhà nước ban hành, trong khi tỉnh ta khó khăn thu hút đầu tư thì các tỉnh khác vẫn thu hút được nhiều dự án đầu tư. Vậy cần xem xét nguyên nhân này.

Về nguyên nhân chủ quan: Hội đồng phản biện nhất trí với những nguyên nhân chủ quan, tuy nhiên chúng ta mới đánh giá vai trò của cơ quan tham mưu UBND, trong khi đó việc thu hút đầu tư có kết quả nhiều hay không, phần lớn do sự quan tâm, lãnh đạo trực tiếp của lãnh đạo tỉnh. Cần chỉ ra những hạn chế đó thì chúng ta mới đưa ra được giải pháp thu hút đầu tư. Nói chung trong dự thảo phân nguyên nhân và những hạn chế phân tích chưa khách quan, rõ ràng.

*2.4. Về mục tiêu cụ thể.* Trong dự thảo Chương trình đưa ra mục tiêu chưa có cơ sở khoa học. Ví dụ: đầu tư giai đoạn sau chỉ bằng giai đoạn trước, thậm chí đầu tư trong nước thấp hơn: giai đoạn 2006 – 2010 là 33.300 tỷ, giai đoạn 2011 – 2015 là 32.700 tỷ, nhưng lại khẳng định tăng gấp 3,2 lần (cần xem lại nội dung này); đầu tư trong nước giai đoạn 2006 – 2010 là 22.750 tỷ đồng, nhưng giai đoạn 2011 – 2015 là 18.900 tỷ đồng.

*2.5. Về giải pháp chủ yếu:* Hội đồng phản biện nhất trí với các kiến nghị trong dự thảo, tuy nhiên Hội đồng phản biện đề nghị những giải pháp chủ yếu cần bám sát những nguyên nhân của hạn chế tồn tại, trong đó nhấn mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, đây là rào cản lớn nhất trong thu hút đầu tư hiện nay của tỉnh.

Các giải pháp đã nêu là phù hợp, tuy nhiên các giải pháp còn chung chung, chưa cụ thể, thiếu tính sát thực. Cần phải đưa ra giải pháp làm sao thu hút đầu tư giai đoạn này phải có hiệu quả, khắc phục được các yếu kém trước đây.



### **3. Những kiến nghị, đề xuất.**

Căn cứ tình hình thực tiễn điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh và kết quả thu hút đầu tư những năm qua, Hội đồng phản biện kiến nghị, đề xuất một số giải pháp thu hút đầu tư giai đoạn 2010 – 2015 như sau:

*3.1. Tỉnh nên ban hành một số cơ chế, chính sách vừa tuân thủ pháp luật vừa phù hợp tình hình thực tiễn ở địa phương, đảm bảo thân thiện với doanh nghiệp.*

Hiện nay nhiều địa phương đã ban hành cơ chế thu hút đầu tư theo hình thức “trải thảm đỏ”, tuy nhiên hình thức đó chưa phải là hiệu quả nhất, mà nhiệm vụ quan trọng là cơ chế phải được sự thống nhất trong thường trực Tỉnh uỷ, HĐND và UBND, tạo lòng tin cho doanh nghiệp. Chỉ khi tạo được lòng tin thì mới thu hút được các doanh nghiệp đầu tư. Đồng thời tạo môi trường thân thiện để doanh nghiệp kinh doanh và phát triển – doanh nghiệp phát triển góp phần tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Tỉnh cần có cơ chế để huy động mọi nguồn lực trong tỉnh thu hút đầu tư, tránh tình trạng khoán việc thu hút đầu tư cho một số người, một số ngành, việc này đã được các tỉnh thực hiện nhiều năm và hiệu quả rất cao.

#### *3.2. Cải cách thủ tục hành chính triệt để*

Mặc dù trong dự thảo Chương trình đã nêu khá đầy đủ về cải cách thủ tục hành chính, tuy nhiên Hội đồng phản biện cho rằng, những nội dung nêu trong dự thảo Chương trình đã được đề cập nhiều lần trong những báo cáo kinh tế- xã hội của tỉnh, nhưng kết quả thực hiện còn hạn chế. Không một địa phương nào thu hút được nhiều dự án đầu tư nếu thủ tục hành chính phức tạp. Muốn thu hút đầu tư tỉnh cần cải cách thủ tục hành chính bằng những hành động thực tế. Hiện nay rào cản lớn nhất của tỉnh ta không phải điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội mà là thủ tục hành chính, nhất là cấp huyện, cấp xã. Trong thu hút đầu tư tránh để xảy ra tình trạng cấp dưới không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ sự chỉ đạo của cấp trên. Cần có biện pháp xử lý cán bộ, công chức sách nhiễu, gây phiền hà trong việc thu hút đầu tư.

#### *3.3. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu nhà đầu tư*

Trong giải pháp có nêu vấn đề nguồn nhân lực, tuy nhiên cần có giải pháp cụ thể như phối hợp với các trường đại học, cao đẳng mở các lớp từ đào tạo nghề đến các lớp sau đại học. Nếu tỉnh không có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư thì là một yếu tố bất lợi trong việc thu hút đầu tư.

#### *3.4. Về vấn đề dịch vụ:*

Về nguyên lý phát triển là khi công nghiệp phát triển thì dịch vụ phát triển theo. Trong dự thảo Chương trình chưa đưa ra giải pháp để đẩy mạnh dịch vụ, trong khi chúng ta đưa vào mục tiêu, nhiệm vụ. Vậy phải làm rõ giải pháp nào để phát triển dịch vụ. Ở đây đề nghị Tỉnh uỷ xem xét vấn đề mà tỉnh Bắc Giang cần tính toán khả năng đón đầu hoạt động dịch vụ: Bắc Giang có nhiều địa danh phát triển du lịch sinh thái, tâm linh, trong khi đó một số tỉnh đang phát triển mạnh công nghiệp, tức là họ đang có tiền, nhưng họ không có địa điểm tiêu tiền, vậy Bắc Giang có thể tính toán, xem xét đầu tư dịch vụ để là nơi tiêu tiền của các địa phương khác, nếu được như vậy Bắc Giang vừa đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, vừa bảo đảm môi trường và phát triển bền vững.

### 3.5. Xem xét lại hiệu quả xúc tiến thương mại

Tỉnh cần xem xét nghiêm túc hiệu quả chương trình xúc tiến đầu tư từ việc bố trí con người làm nhiệm vụ đến hiệu quả của việc đi nước ngoài xúc tiến thương mại, tránh tình trạng lãng phí tiền ngân sách khi đi xúc tiến đầu tư ở nước ngoài.

Bên cạnh đó, Hội đồng phản biện cũng đề nghị dự thảo Chương trình cần xác định cụ thể đầu tư như thế nào để nâng cao hiệu quả, đầu tư lĩnh vực trọng điểm nào, đối tượng nào, ở đâu (*trong dự thảo chưa xác định được, còn chung chung như báo cáo tình hình kinh tế - xã hội*); tỉnh cần xác định phát triển công nghiệp, dịch vụ vào lĩnh vực nào, ngành nào trong quy hoạch quốc gia và địa phương để đạt tốc độ tăng trưởng nhanh.

Tổ chức thực hiện cần phân công rõ trách nhiệm từng ngành, từng cá nhân có liên quan và quy trách nhiệm cụ thể nếu ngành và cá nhân không thực hiện nghiêm túc. Một vấn đề không kém phần quan trọng là tỉnh cần xã hội hoá công tác thu hút đầu tư, khuyến khích các cấp, các ngành và cá nhân kêu gọi đầu tư từ các nguồn lực khác nhau, đây là kênh thu hút đầu tư rất hiệu quả hiện nay (trong dự thảo Chương trình không đề cập giải pháp này).

Trên đây là kết quả phản biện của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh đối với dự thảo Chương trình phát triển công nghiệp dịch vụ giai đoạn 2011- 2015./.

#### Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, CVP,CT.

**TM. THƯỜNG TRỰC LIÊN HIỆP HỘI  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Kiên**

5 17